

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc Thành lập Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam -  
Công ty điều hành Dự án Đường ống dẫn khí và Nhà máy xử lý khí Lô B

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 149/2013/NĐ-CP ngày 31/10/2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 34/TTg-KTN ngày 11/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tập đoàn tại công văn số 41/CVNB-NQK ngày 24/4/2015;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty điều hành Dự án Đường ống dẫn khí và Nhà máy xử lý khí Lô B (dưới đây gọi tắt là Công ty Đường ống khí Lô B). Công ty có trụ sở tại Kiên Giang và có Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Công ty Đường ống khí Lô B là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; có Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế tài chính do Tập đoàn phê duyệt và ban hành; có con dấu riêng để giao dịch; được mở tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ tại hệ thống ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Công ty Đường ống khí Lô B thay mặt Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tập đoàn trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn và triển khai dự án nhà máy xử lý khí Lô B, cụ thể là:

- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đường ống dẫn khí và Nhà máy xử lý khí Lô B;
- Vận hành đường ống dẫn khí và Nhà máy xử lý khí Lô B;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Tập đoàn giao hoặc ủy quyền.

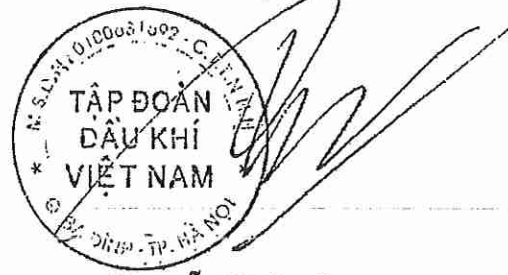
**Điều 4.** Tổng giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm: (i) chỉ đạo việc thực hiện các thủ tục thành lập và đăng ký hoạt động của Công ty Đường ống khí Lô B theo quy định của pháp luật, (ii) phê duyệt và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế tài chính của Công ty Đường ống khí Lô B.

**Điều 5.** Tổng giám đốc và Chánh văn phòng/Trưởng các Ban liên quan của Tập đoàn, Tổng giám đốc Công ty Đường ống khí Lô B chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Các TV HĐQT Tập đoàn (e-copy);
- TGD Tập đoàn;
- Các P.TGD Tập đoàn (e-copy);
- Kiểm soát viên Tập đoàn;
- Ban TCNS;
- Các Ban Tập đoàn (e-copy);
- Công ty Đường ống khí Lô B (4b);
- Lưu: VT, HĐQT (9b).

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Sơn**

Số: 2588/QĐ-DKVN

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc đổi tên Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty điều hành Dự án Đường ống dẫn khí và Nhà máy xử lý khí Lô B

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 149/2013/NĐ-CP ngày 31/10/2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-DKVN ngày 04/5/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam-Công ty điều hành Dự án Đường ống dẫn khí và Nhà máy xử lý khí Lô B;

Căn cứ Quyết định số 6210/QĐ-DKVN ngày 08/9/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Phân công các Thành viên Hội đồng thành viên nhiệm vụ phụ trách giám sát hoạt động các đơn vị thành viên và ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tập đoàn tại công văn số 91/CVNB-NVTS ngày 15/10/2015;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đổi tên Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty điều hành Dự án Đường ống dẫn khí và Nhà máy xử lý khí Lô B thành **Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty điều hành Đường ống Tây Nam** (tên tiếng Anh: **PetroVietnam Southwest Pipeline Operating Co.**).

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 2458/QĐ-DKVN ngày 08/10/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

**Điều 3.** Tổng giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện các thủ tục đổi tên của Công ty nêu trong **Điều 1** theo các quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Tổng giám đốc và Chánh văn phòng/Trưởng các Ban liên quan của Tập đoàn, Tổng giám đốc Công ty điều hành Dự án Đường ống dẫn khí và Nhà máy xử lý khí Lô B chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Q. CT HĐQT, TGD Tập đoàn (đề b/c);
- Các TV HĐQT Tập đoàn (e-copy);
- Các P.TGD Tập đoàn (e-copy);
- Kiểm soát viên Tập đoàn;
- Ban TCNS;
- Các Ban khác của Tập đoàn (e-copy);
- BPPOC (10b);
- Lưu: VT, HĐQT (15b).

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

**TUQ. CHỦ TỊCH**

**THÀNH VIÊN**



**Phan Ngọc Trung**

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 223/QĐ - BTNMT

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2011

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM**  
**BPOC**  
**CÔNG VĂN ĐẾN**  
 Số 223 ngày 22 tháng 02 năm 11

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án  
 "Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn"

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn", họp ngày 10 tháng 11 năm 2010;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn" đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 125/KVN-BPOC ngày 17 tháng 01 năm 2011 của Tổng công ty Khí Việt Nam;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án "Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn" (sau đây gọi là Dự án) của Tổng công ty Khí Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án).



Điều 3. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, tái định cư, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định hiện hành; phổ biến thông tin, tuyên truyền về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án;

2. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn cho tuyến cáp quang và các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác dọc trên toàn bộ tuyến ống; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến chất lượng nước biển và hệ sinh thái trong quá trình thi công lắp đặt đường ống trên biển;

3. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp nhằm bao đảm hạn chế tối đa ô nhiễm không khí do hoạt động nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong khu vực;

4. Xây dựng và quản lý thời gian thi công hợp lý, xây dựng các bãi đỗ đất và bờ bao dọc tuyến để hạn chế tối đa quá trình sinh phen khi lắp đặt đường ống và xây dựng tuyến kênh công vụ;

5. Động viên Công nhân áp dụng các biện pháp quản lý lực lượng lao động nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về rừng và săn bắt động vật hoang dã tại khu vực vịnh Quốc gia U Minh Hạ; tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

6. Hạn chế tối đa các tác động xấu tới môi trường biển trong quá trình thi công, vận hành và tháo dỡ đường ống;

7. Tuân thủ lắp đặt và vận hành các thiết bị, công trình bảo vệ môi trường biển để đảm bảo môi trường sinh hoạt, các loại nước thải công nghiệp và các nguồn khí thải của Dự án phải được kiểm soát và được xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành bắt buộc áp dụng và các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trước khi thải ra môi trường;

8. Sử dụng đúng các hóa chất trong hoạt động của Dự án như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn hóa chất; thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật bậc đã n phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các sự cố đứt gãy đường ống, rò rỉ chất hóa chất và chất thải, sự cố cháy, nổ, an toàn lao động và các quy định pháp luật khác có liên quan trong toàn bộ các hoạt động của Dự án;

9. Thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, các loại chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại của Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Danh mục chất thải nguy hại và Thớt g

tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại;

10. Được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại địa phương về nguồn tiếp nhận và tiêu chuẩn thải đối với nước thải thứ thủy lực;

11. Thực hiện việc hoàn thổ và khôi phục cảnh quan các khu đất được giao làm mặt bằng thi công; phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan triển khai việc trồng rừng bù hoàn diện tích rừng bị mất;

12. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn trong thi công và phòng chống cháy nổ; lập kế hoạch ứng cứu sự cố trong thi công, vận hành công trình và báo động ứng phó lập thời các sự cố xảy ra;

13. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết;

14. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí theo quy định của pháp luật; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường;

15. Dự án chỉ được đi vào hoạt động chính thức sau khi được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu tại Quyết định này.

Điều 3. Chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; và Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 4. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Giao Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh và thành phố nơi thực hiện Dự án và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực chi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Tổng công ty Khí Việt Nam
- Bộ trưởng Phạm Kelvin Nguyễn (để báo cáo);
- Bộ Công Thương;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- UBND các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu, Hậu Giang, Cần Thơ;
- Sở TN&MT tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu, Hậu Giang, Cần Thơ;
- Thanh tra Bộ;
- Lưu VT, HS, TCM, T(03), H(19)

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**PHẠM KELVIN NGUYỄN**



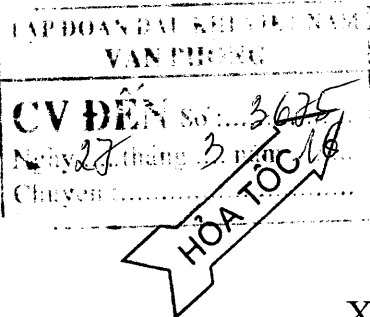
**Bùi Cách Tuyên**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/L/TTg-KTN  
V/v Dự án đường ống dẫn khí  
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam Lô B-Ô Môn

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2016



Kính gửi:

- Bộ Công Thương;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.


Xét đề nghị của Bộ Công Thương tại Công văn số 1864/BCT-TCNL ngày 04 tháng 3 năm 2016 về Dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Thống nhất báo cáo của Bộ Công Thương về chủ trương phương án tuyến ống dẫn khí của Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn tại văn bản trên của Bộ Công Thương. Bộ Công Thương và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp lý của số liệu báo cáo tại văn bản trên.

2. Giao Bộ Công Thương chịu trách nhiệm chỉ đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét, quyết định phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Đường ống dẫn khí Lô B- Ô Môn theo quy định của pháp luật, đồng thời lưu ý tiếp tục đàm phán với các đối tác, xử lý các vấn đề có liên quan thuộc thẩm quyền, đảm bảo hiệu quả đầu tư và tiến độ của Dự án./.

**Nơi nhận:**

- Như trên ;
- Thủ tướng, các PTTg;
- Các Bộ: KHĐT, TC, XD;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Tổng Công ty khí Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN;  
các Vụ: TH, KTTH;
- Lưu: VT, KTN (3), MT.

**KT. THỦ TƯỚNG**  
**ĐỖ THỦ TƯỚNG**  
  
**Nguyễn Xuân Phúc**



Số: **6 262** /BCT-TCNL

Hà Nội, ngày **11** tháng 7 năm 2016

V/v thông báo kết quả thẩm định Thiết kế cơ sở Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn

Kính gửi: Công ty điều hành đường ống dẫn khí Tây Nam ✓

Bộ Công Thương nhận được Tờ trình số 54/TTr-SWPOC ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Công ty Điều hành đường ống Tây Nam (SWPOC) về việc thẩm định Thiết kế cơ sở Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn (Dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (Nghị định số 59/2015/NĐ-CP);

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan liên quan về Thiết kế cơ sở của Dự án; Công văn số 92/SWPOC-KT-TM ngày 16 tháng 6 năm 2016 của SWPOC về báo cáo thẩm tra Thiết kế cơ sở của Dự án do Tư vấn thẩm tra (Viện Xây dựng công trình biển) lập và Công văn số 106/SWPOC-KT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của SWPOC về việc giải trình các ý kiến về thiết kế cơ sở Dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn.

Sau khi xem xét, Bộ Công Thương thông báo kết quả thẩm định Thiết kế cơ sở của Dự án như sau:

### **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án: Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn.
2. Nhóm Dự án, loại, cấp, quy mô công trình: Dự án nhóm A, công trình công nghiệp dầu khí, cấp I.
3. Cấp thẩm quyền quyết định đầu tư: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN).
4. Chủ đầu tư: hợp danh 04 nhà đầu tư theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) ký ngày 05 tháng 02 năm 2010, trong đó, tỷ lệ góp vốn của các bên như sau: PVN góp vốn 28,699%; Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (PVGas) 51%; MOECO (Nhật Bản) 15,118%; PTTEP (Thái Lan) 5,183%.

#### **5. Địa điểm xây dựng:**

Dự án gồm các hạng mục chính như sau: tuyến ống biển và trên đất liền, Trạm tiếp bờ (LFS) tại An Minh – Kiên Giang, Trạm tiếp bờ (LFS) tại Mũi Tràm – Cà Mau, Trạm phân phối khí (GDS) Kiên Giang, Trung tâm phân phối

khí (GDC) Ô Môn - Cần Thơ, các Trạm van ngắt tuyến (LBV).

Tuyến ống có tổng chiều dài 432 km, trong đó:

- Đường ống biển dài 330 km từ Giàn công nghệ trung tâm (CPP) Lô B thuộc vùng biển Tây Nam - Việt Nam đến điểm tiếp bờ tại An Minh - Kiên Giang, gồm:

+ Đường ống biển dài 209 km, đường kính 28 inch từ CPP đến KP209 (vị trí dự kiến đặt cụm đầu nối PLEM);

+ Đường ống biển dài 84 km, đường kính 28 inch từ KP209 đến điểm tiếp bờ tại An Minh - Kiên Giang;

+ Đường ống biển nhánh dài 37 km, đường kính 18 inch từ KP209 đến điểm tiếp bờ tại Mũi Tràm - Cà Mau.

- Đường ống trên đất liền dài 102 km từ điểm tiếp bờ tại An Minh - Kiên Giang về GDC Ô Môn - Cần Thơ, gồm:

+ Đường ống trên đất liền dài 7 km, đường kính 28 inch từ điểm tiếp bờ tại An Minh - Kiên Giang đến LFS An Minh - Kiên Giang;

+ Đường ống trên đất liền dài 95 km, đường kính 30 inch từ LFS An Minh - Kiên Giang đến GDC Ô Môn - Cần Thơ.

6. Giá trị tổng mức đầu tư: 1.282.162.609 USD (*một tỷ hai trăm tám mươi hai triệu một trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm linh chín đô la Mỹ*).

7. Nguồn vốn đầu tư: dự kiến 30% vốn chủ sở hữu và 70% vốn vay thương mại.

8. Thời gian thực hiện: hoàn thành vào quý II năm 2020.

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

10. Nhà thầu khảo sát, hiệu chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi: Tổng công ty Tư vấn thiết kế dầu khí (PVE).

## **II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN**

### **1. Văn bản pháp lý**

a) Văn bản của các cơ quan quản lý nhà nước

- Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030.

- Công văn số 502/TTg-KTN ngày 26 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương phương án tuyến ống Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn.

- Công văn số 12889/BCT-TCNL ngày 17 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ về Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn.

- Công văn số 3458/BCT-TCNL ngày 21 tháng 4 năm 2016 của Bộ Công Thương về Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn.

- Biên bản kiểm tra ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Cục cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ (PCCC&CNCH) về việc khảo sát địa điểm xây dựng Trạm tiếp bờ An Minh, Kiên Giang và Trạm phân phối khí Kiên Giang thuộc Dự án.

- Công văn số 91/UBND-KTTH ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thỏa thuận địa điểm, hướng tuyến trên bờ của Dự án.

- Công văn số 1325/UBND-KT ngày 11 tháng 4 năm 2016 của thành phố Cần Thơ về việc thỏa thuận hướng tuyến ống của Dự án.

- Các văn bản khác có liên quan.

*b) Văn bản của PVN/Chủ đầu tư*

- Quyết định số 3277/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 6 năm 2007 của PVN về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường ống dẫn khí Lô B&52 - Ô Môn;

- Quyết định số 848/QĐ-DKVN ngày 13 tháng 02 năm 2009 của PVN về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường ống dẫn khí Lô B&52 - Ô Môn;

- Nghị quyết số 4435/NQ-DKVN ngày 22 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng thành viên PVN về việc thông qua chủ trương điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn;

- Báo cáo thẩm tra Thiết kế cơ sở của Dự án do Tư vấn thẩm tra (Viện Xây dựng công trình biển) lập tháng 6 năm 2015 (được đính kèm Công văn số 92/SWPOC-KT-TM ngày 16 tháng 6 năm 2016 của SWPOC).

## **2. Hồ sơ, tài liệu Dự án, khảo sát, thiết kế**

Hồ sơ, tài liệu Thiết kế cơ sở Dự án kèm theo Tờ trình số 54/TTr-SWPOC ngày 28 tháng 4 năm 2016 của SWPOC gồm:

- Thuyết minh cập nhật Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn.

- Hồ sơ Thiết kế cơ sở của Dự án gồm: thuyết minh Thiết kế cơ sở; các phụ lục kèm theo về tính toán công nghệ, đường ống, cơ khí, điện, điều khiển, phòng cháy chữa cháy, ăn mòn, xây dựng.

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ hiệu chỉnh/cập nhật Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án.

## **3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu**

- Hồ sơ năng lực của Nhà thầu khảo sát, hiệu chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi - PVE.

- Hồ sơ năng lực của Tư vấn thẩm tra Thiết kế cơ sở - Viện Công trình biển, Đại học Xây dựng Hà Nội.

### **III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN TRÌNH**

Hồ sơ Thiết kế cơ sở của Dự án kèm theo Tờ trình số 54/TTr-KVN ngày 28 tháng 4 năm 2016 của SWPOC đủ cơ sở để thẩm định.

### **IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ**

Căn cứ Luật Xây dựng, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; trên cơ sở Báo cáo thẩm tra Thiết kế cơ sở của Dự án, kết quả thẩm định Thiết kế cơ sở của Dự án như sau:

#### **1. Về sự phù hợp của Thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng, tổng mặt bằng được chấp thuận**

- Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn có trong Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam giai đoạn đến năm 2015, định hướng đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 459/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2011.

- Việc triển khai Dự án là phù hợp với Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030.

- Phương án tuyến ống của Dự án phù hợp với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 502/TTg-KTN ngày 26 tháng 3 năm 2016 về việc chấp thuận chủ trương phương án tuyến ống của Dự án.

- Địa điểm Trạm tiếp bờ tại An Minh (Kiên Giang), hướng tuyến ống bờ qua địa phận tỉnh Kiên Giang, Trạm phân phối khí Kiên Giang đã được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Kiên Giang thống nhất tại Công văn số 91/UBND-KTTH ngày 18 tháng 01 năm 2016 về việc thỏa thuận địa điểm, hướng tuyến trên bờ của Dự án. Hướng tuyến ống bờ qua địa phận thành phố Cần Thơ đã được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Cần Thơ thống nhất tại Công văn số 1325/UBND-KT ngày 11 tháng 4 năm 2016 về việc thỏa thuận hướng tuyến ống của Dự án.

#### **2. Về sự phù hợp của Thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực**

- Phương án Thiết kế cơ sở các hạng mục của Dự án, bao gồm tuyến ống, trạm tiếp bờ, các trạm phân phối khí,... phù hợp với địa điểm xây dựng, được đánh giá đầy đủ theo các tiêu chí xây dựng tuyến ống.

- Phương án Thiết kế cơ sở của Dự án cho phép kết nối với hạ tầng kỹ thuật, giao thông đường thủy, đường bộ tại khu vực Kiên Giang, Cà Mau, Cần Thơ, bảo đảm thuận lợi cho việc thi công và vận hành; cho phép kết nối với hệ thống Đường ống dẫn khí PM3-CAA.

### **3. Về sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ**

- Các phương án thiết kế được dự trù, tính toán đảm bảo an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ với các hệ thống vận hành phù hợp và đồng bộ.

- Địa điểm Trạm tiếp bờ An Minh và Trung tâm phân phối khí Kiên Giang đã được Cục cảnh sát PCCC&CNCH kiểm tra đảm bảo khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy theo quy định của các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành tại Biên bản kiểm tra ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Cục cảnh sát PCCC&CNCH về việc khảo sát địa điểm xây dựng Trạm tiếp bờ An Minh và Trạm phân phối khí Kiên Giang thuộc Dự án.

### **4. Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế**

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng để tính toán, thiết kế đường ống, trạm tiếp bờ, các trạm/trung tâm phân phối khí trong Hồ sơ Thiết kế cơ sở tuân thủ các quy định của Việt Nam và phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn quốc tế.

### **5. Về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế**

Nhà thầu hiệu chỉnh Thiết kế cơ sở của Dự án là PVE, đơn vị thành viên của PVN. PVE đã chủ trì, tham gia thực hiện nhiều dự án, công trình quan trọng trong ngành dầu khí về các lĩnh vực lập dự án đầu tư, thiết kế, tư vấn các giải pháp kỹ thuật và công nghệ về chuyên ngành dầu khí từ thượng nguồn đến hạ nguồn nên có đủ năng lực và tư cách pháp nhân thực hiện công tác lập thiết kế xây dựng công trình.

### **6. Về sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của Thiết kế cơ sở**

Giải pháp tổ chức thực hiện Dự án phù hợp với quy mô, tính chất của công trình.

## **V. KẾT LUẬN**

1. Về cơ bản, Thiết kế cơ sở của Dự án đủ điều kiện để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

2. Một số lưu ý đối với PVN/SWPOC:

- Hoàn thiện, trình phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cập nhật theo quy định.

- Khẩn trương hoàn thiện Kế hoạch tổng thể triển khai chuỗi dự án khí Lô B từ khâu thượng nguồn (phát triển mỏ), trung nguồn (đường ống dẫn khí) đến hạ nguồn (các nhà máy điện) bảo đảm tính khả thi và hiệu quả tổng thể của chuỗi dự án Lô B theo chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Công văn số 3458/BCT-TCNL ngày 21 tháng 4 năm 2016.

- Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành về phân cấp công trình xây dựng, về biển, về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.



- Một số lưu ý trong giai đoạn tiếp theo (lập thiết kế kỹ thuật tổng thể của Dự án):

+ Tối ưu hóa quy mô công suất, kích thước đường ống để phù hợp với thông số đầu vào từ Dự án thượng nguồn (phát triển mỏ), bảo đảm hiệu quả đầu tư.

+ Thống kê chi tiết và xác định rõ tọa độ các điểm giao cắt giữa tuyến ống với các luồng hàng hải, các tuyến quốc lộ/tỉnh lộ, các công trình hạ tầng cơ sở hiện hữu,... để xin ý kiến thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

+ Dự án nằm trong khu vực địa chất yếu, địa hình tương đối thấp, do đó trong các giai đoạn thiết kế tiếp theo cần khảo sát, đánh giá, tính toán kỹ lưỡng bảo đảm an toàn thi công và chất lượng công trình.

+ Việc khảo sát tuyến ống bờ tại địa điểm GDS Kiên Giang cần được thực hiện phù hợp với địa điểm quy hoạch trung tâm điện lực Kiên Giang.

- Chủ đầu tư/Tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu trong Hồ sơ Thiết kế cơ sở; Tư vấn thẩm tra chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra.

Trên đây là thông báo của Bộ Công Thương về kết quả thẩm định Thiết kế cơ sở của Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn. Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: XD, TNMT, KH-CN, KHĐT, CA, QP, GTVĐ;
- UBND tỉnh/thành phố: Kiên Giang, Cà Mau, Cần Thơ;
- Các Cục/Vụ: ATMT, KH;
- PVN;
- Lưu: VT, TCNL.



**BỘ TRƯỞNG**  
**PHỤ TRƯỞNG**

Cao Quốc Hưng

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ  
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 468 /QĐ-DKVN

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Mc B. TGD  
P. TM, XD, KT, P. KT

## QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt Báo cáo cập nhật Nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình “Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn”

23.117

## HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg, ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/ QĐ-TTg, ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 149/2013/NĐ-CP ngày 31/10/2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-DKVN ngày 11/6/2007 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình “Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn”;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-DKVN ngày 13/02/2009 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình “Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn”;

Căn cứ Nghị quyết số 4435/NQ-DKVN ngày 20/5/2011 về việc thông qua chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình “Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn”;

Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-DKVN ngày 29/02/2012 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Ban hành Quy định về tiêu chí đánh giá, thẩm định và quyết định đầu tư dự án (ngoại trừ các dự án Tìm kiếm – Thăm dò – Khai thác Dầu khí);

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2011 – 2020 và có xét đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 34/TTg-KTN ngày 11/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển nhượng các công ty con của Chevron tại Việt Nam;

Căn cứ công văn số 502/TTg-KTN ngày 26/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về dự án đường ống dẫn khí lô B – Ô môn;

Căn cứ công văn số 3458/BCT-TCNL ngày 21/4/2016 của Bộ Công thương về dự án đường ống dẫn khí lô B - Ô Môn;

Căn cứ công văn số 6262/BCT-TCNL ngày 11/7/2016 của Bộ Công thương về việc thông báo kết quả thẩm định Thiết kế cơ sở Dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra Tổng mức đầu tư xây dựng cập nhật số 100/TTTM-PV/16 ngày 19/12/2016 của Phân viện kinh tế xây dựng Miền Nam – Viện kinh tế Xây dựng được gửi kèm theo công văn số 252/SWPOC-TM-KT ngày 19/12/2016 của Công ty điều hành đường ống Tây Nam (SWPOC);

Căn cứ công văn ngày 25/10/2016 của các nhà đầu tư nước ngoài là PTTEP và MOECO đã có công văn gửi SWPOC về việc đồng ý phê duyệt báo cáo cập nhật Nghiên cứu khả thi (NCKT) dự án đường ống dẫn khí lô B – Ô Môn;

Căn cứ công văn số 32/KVN-HĐQT ngày 04/01/2017 của PVGAS về việc chấp thuận báo cáo cập nhật Nghiên cứu khả thi dự án đường ống dẫn khí lô B-Ô Môn;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn tại các công văn số 128/CVNB-NQT ngày 28/12/2016; Báo cáo thẩm định báo cáo cập nhật Nghiên cứu khả thi dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn số 8373/BC-DKVN ngày 28/12/2016; tờ trình số 55/TTTr-SWPOC ngày 6/9/2016 gửi kèm theo công văn số 168/SWPOC-KT-TM-KHTH ngày 7/9/2016, công văn số 270/SWPOC-TM ngày 30/12/2016, công văn số 10/SWPOC-TM ngày 10/01/2017 và Báo cáo cập nhật nghiên cứu khả thi dự án đường ống dẫn khí lô B – Ô Môn của Công ty điều hành đường ống Tây Nam (SWPOC).

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo cập nhật Nghiên cứu khả thi dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn với những nội dung như sau:

1. Tên dự án: dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn
2. Chủ đầu tư: Chủ đầu tư là hợp doanh 04 nhà đầu tư theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) bao gồm:
  - + Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) góp 28,699% - Nhà điều hành dự án;
  - + Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP (PVGAS) góp 51%;
  - + Công ty MITSUI OIL EXPLORATION CO.,LTD (MOECO) của Nhật Bản góp 15,118%;
  - + Công ty PTTEP SOUTHWEST VIETNAM PIPELINE COMPANY LIMITED (PTTEP) của Thái Lan góp 5,183%.
3. Đại diện Nhà điều hành thực hiện dự án: Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành đường ống Tây Nam (SWPOC).
4. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn đầu tư nhằm vận chuyển và phân phối khí tự nhiên từ các Lô B 48/95&52/97 thuộc vùng biển Tây Nam - Việt Nam từ năm 2021 với sản lượng khai thác khoảng 5,05 – 5,65 tỷ m<sup>3</sup>/năm (bao gồm 23% CO<sub>2</sub> và khí tro) trong giai đoạn từ 2021-2040 để cung cấp khí cho các Nhà máy điện tại Trung tâm điện lực Ô

Môn, bổ sung cho cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau và các Nhà máy điện tại Trung tâm điện lực Kiên Giang

5. Nội dung và quy mô Dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn:

+ Phương án tuyến ống : Tuyến ống chính tiếp bờ tại An Minh tới GDC Ô Môn có tuyến nhánh tiếp bờ ở Mũi Tràm – Cà Mau.

+ Dự án gồm các hạng mục chính như sau: tuyến ống biển và trên đất liền, Trạm tiếp bờ (LFS) tại An Minh – Kiên Giang, Trạm tiếp bờ (LFS) tại mũi Tràm – Cà Mau, Trạm phân phối khí (GDS) Kiên Giang, Trung tâm phân phối khí (GDC) Ô Môn – Cần Thơ, các Trạm van ngắt tuyến (LBV).

+ Tuyến ống có tổng chiều dài khoảng 432 km, trong đó:

✓ Đường ống biển dài 330 km từ Giàn công nghệ trung tâm (CPP) Lô B thuộc vùng biển Tây Nam – Việt Nam đến điểm tiếp bờ tại An Minh – Kiên Giang và tại mũi Tràm – Cà Mau, gồm:

- Đường ống biển dài 209 km, đường kính 28 inch từ CPP đến KP209 (vị trí dự kiến đặt cụm đầu nối PLEM) có công suất thiết kế 20,3 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày;

- Đường ống biển dài 84 km, đường kính 28 inch từ KP209 đến điểm tiếp bờ tại An Minh – Kiên Giang có công suất thiết kế 20,3 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày;

- Đường ống nhánh dài 37 km, đường kính 18 inch từ KP209 đến điểm tiếp bờ tại mũi Tràm – Cà Mau có công suất thiết kế 6,95 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày;

✓ Đường ống trên đất liền dài 102 km từ điểm tiếp bờ tại An Minh – Kiên Giang về GDC Ô Môn – Cần Thơ, gồm:

- Đường ống trên đất liền dài 7 km, đường kính 28 inch từ điểm tiếp bờ tại An Minh – Kiên Giang đến LFS An Minh – Kiên Giang có công suất thiết kế 20,3 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày;

- Đường ống trên đất liền dài 95 km, đường kính 30 inch từ LFS An Minh – Kiên Giang đến GDC Ô Môn - Cần Thơ có công suất thiết kế 18,3 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày.

- Đoạn ống nhánh từ LBV#2 về GDS Kiên Giang có chiều dài khoảng 800 m, đường kính ngoài 18” có công suất thiết kế 7,87 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày;

✓ Trạm tiếp bờ, trạm phân phối khí gồm:

- Trạm tiếp bờ (LFS) tại An Minh, Kiên Giang và các hệ thống phụ trợ khác;

- Trạm LFS tại Mũi Tràm, Cà Mau và các hệ thống phụ trợ khác;

- Các trạm van ngắt tuyến (LBV) trên đường ống từ trạm An Minh LFS đến trung tâm phân phối khí Ô Môn (06 trạm);

- Trung tâm phân phối khí (GDC) đặt tại Ô Môn và các hệ thống phụ trợ khác để phân phối khí cho các hộ tiêu thụ tại TTĐL Ô Môn – Cần Thơ

- Trạm phân phối khí (GDS) tại Kiên Giang và các hệ thống phụ trợ khác để cấp khí cho các hộ tiêu thụ tại TTĐL Kiên Giang.

6. Tổ chức tư vấn lập dự án: Tổng Công ty tư vấn Thiết kế Dầu khí – CTCP

7. Chủ nhiệm lập dự án: Ông Ngô Ngọc Thường, Phó Tổng giám đốc Công ty tư vấn Thiết kế Dầu khí – CTCP.
8. Địa điểm xây dựng: từ giàn CPP Lô B thuộc vùng biển Tây Nam – Việt Nam và tiếp bờ chính tại An Minh - Kiên Giang và nhánh phụ tiếp bờ tại Mũi Tràm - Cà Mau). Tuyến ống bờ đi qua địa bàn 2 tỉnh là Kiên Giang và Cần Thơ để cấp khí cho Trung tâm điện lực Kiên Giang và Trung tâm điện lực Ô Môn, tuyến ống nhánh tiếp bờ tại Cà Mau để cấp bù khí cho cụm khí điện đạm Cà Mau.
9. Loại cấp công trình
  - + Loại dự án: dự án nhóm A
  - + Loại công trình: công trình công nghiệp (ống dẫn khí cao áp)
  - + Cấp công trình: Công trình cấp 1 (theo quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng).
10. Phương án xây dựng: Chi tiết như Phụ lục số 02 đính kèm
11. Tổng mức đầu tư (đã bao gồm thuế VAT và các chi phí đã chi): **1.277.771.043 USD** (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi một ngàn, không trăm bốn mươi ba đô la Mỹ) tương đương **28.788.181.589.755 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi tám ngàn bảy trăm tám mươi tám tỷ một trăm tám mươi một triệu năm trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi năm đồng) với tỷ giá quy đổi là 22.530 VND/USD (theo tỷ giá niêm yết bán ra USD của Vietcombank ngày 2/12/2015 tại thời điểm lập báo cáo cập nhật Nghiên cứu khả thi dự án) chi tiết như tại Phụ lục 01 kèm đính kèm.
12. Nguồn vốn đối với phần tham gia của Tập đoàn và PVGAS: Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn, PVGAS và Vay thương mại.
13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý
14. Thời gian thực hiện dự án: hoàn thành vào năm 2021
15. Thời hạn sử dụng công trình: 20 năm

**Điều 2.** Giao Tổng giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo các bộ phận liên quan:

1. Tổ chức triển khai các bước tiếp theo theo đúng quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình và quy định Tập đoàn về phân cấp ủy quyền trong việc triển khai dự án tại các quyết định số 6072/QĐ-DKVN ngày 30/9/2016 và quyết định số 6974/QĐ-DKVN ngày 04/11/2016.
2. Chỉ đạo SWPOC tiếp thu và thực hiện ý kiến của Bộ Công Thương tại công văn số 6262/BCT-TCNL ngày 11/7/2016 và các ý kiến của Hội đồng thẩm định dự án tại Báo cáo thẩm định dự án.

**Điều 3.** Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm chỉ đạo các Ban liên quan của Tập đoàn, PVGAS và SWPOC triển khai thực hiện các công việc tiếp theo, theo nội dung được phê duyệt tại **Điều 1** và **Điều 2** đảm bảo đầu tư an toàn, hiệu quả, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, Pháp luật và Tập đoàn.

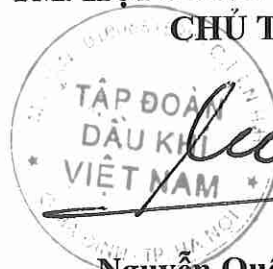


**Điều 4.** Tổng Giám đốc Tập đoàn và Chánh Văn phòng/Trưởng các Ban có liên quan của Tập đoàn, SWPOC và Hội đồng quản trị PVGAS chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Các TV HĐQT Tập đoàn (e-copy);
- TGD Tập đoàn;
- Các P.TGD: N.Q.Thập, N.H.Dũng, N.V.Quỳnh, Đ.C.Thanh (e-copy);
- KSV Tập đoàn;
- Ban ĐTP Tập đoàn;
- Các Ban: KTDK, TC, PC, Khí, Điện, XD, TMTT (e-copy);
- PVGAS;
- SWPOC;
- Lưu VT, HĐQT ( b).

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quốc Khánh**

PHỤ LỤC 01:

**TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

**Dự án đường ống dẫn khí lô B – Ô Môn**

(kèm theo Quyết định số *468* /QĐ-DKVN ngày *20/01/2017*)

Tỷ giá VND/USD 22.530

Stt	Nội dung chi phí	Giá trị trước thuế		Giá trị sau thuế		
		VND	USD	VND	Quy đổi VND	
1	Chi phí xây dựng (GXD)	2.789.269.254.307	173.044.221	3.068.196.179.738	190.348.643	7.356.751.106.528
1.1	Đường ống Biên		173.044.221		190.348.643	4.288.554.926.790
1.2	Đường ống Bờ	1.823.198.873.318		2.005.518.760.650		2.005.518.760.650
1.3	Các trạm	819.689.626.849		901.658.589.534		901.658.589.534
1.4	Gia cố xử lý nền	146.380.754.140		161.018.829.554		161.018.829.554
2	Chi phí thiết bị (GTB)		406.292.618		446.921.879	10.069.149.933.870
2.1	Đường ống Biên		285.000.261		313.500.287	7.063.161.466.110
2.2	Đường ống Bờ		78.496.880		86.346.568	1.945.388.177.040
2.3	Các trạm		42.795.477		47.075.024	1.060.600.290.720
3	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (GBT, TDC)	455.373.615.624		455.373.615.624		455.373.615.624
4	Chi phí quản lý dự án (GOLDA)	2.266.546.706.437	25.150.319	2.493.201.377.081	27.665.350	3.116.501.712.581
5	Chi phí tư vấn đầu tư XDCT (GTV)	220.410.959.668	34.318.556	242.452.055.634	37.750.412	1.092.968.837.994
6	Chi phí khác (GK)	1.004.420.541.794	89.206.084	1.104.862.595.973	98.126.693	3.315.656.989.263
7	Chi phí dự phòng (GDP)		136.455.610		150.101.172	3.381.779.393.895
	Tổng cộng	6.736.021.077.830	864.467.408	7.364.085.824.050	950.914.149	28.788.181.589.755

Ghi chú: Tổng mức đầu tư đã bao gồm VAT và các chi phí đã chi là khoảng 51,26 triệu USD theo công văn số 89/BPPOC-KT-TM ngày 27/10/2015 của Công ty điều hành dự án đường ống dẫn khí và nhà máy xử lý khí lô B.

*(Handwritten signature)*

## PHỤ LỤC 02:


### PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG

(kèm theo Quyết định số 468 /QĐ-DKVN ngày 20/01/2017)

1. Đường ống biển: Đường ống dẫn khí chính ngoài khơi có chiều dài khoảng 293 km, đường kính ngoài 28" xuất phát từ Lô B và tiếp bờ tại An Minh, Kiên Giang:
  - Bề dày thành ống 19,1-20,6 mm;
  - Vật liệu: Ống thép API 5L, X65, PSL2, NACE, ANSI class 1500#;
  - Áp suất thiết kế 152,6 barg, nhiệt độ thiết kế 70°C / 0°C;
  - Công suất thiết kế: 20,3 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày;
  - Lớp bọc bê tông gia tải dày từ 50 mm đến 130 mm, lớp bọc bảo vệ chống ăn mòn 3LPE dày 3,2 mm;
  - Bảo vệ chống ăn mòn điện hóa bằng phương pháp anode hy sinh.
2. Đường ống nhánh ngoài khơi từ KP209 về Trạm tiếp bờ Mũi Tràm có chiều dài 37 km, đường kính ngoài 18":
  - Bề dày thành ống 14,3 mm;
  - Vật liệu: Ống thép API 5L, X65, PSL2, NACE, ANSI class 1500#;
  - Áp suất thiết kế 152,6 barg, nhiệt độ thiết kế 70°C / 0°C;
  - Công suất thiết kế: 6,95 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày;
  - Lớp bọc bê tông gia tải dày từ 40 mm đến 130 mm, lớp bọc bảo vệ chống ăn mòn 3LPE dày 3,2 mm;
  - Bảo vệ chống ăn mòn điện hóa bằng phương pháp anode hy sinh.
3. Đường ống bờ và các trạm:
  - Đường ống bờ từ điểm tiếp bờ An Minh về trạm tiếp bờ An Minh có chiều dài 07 km, đường kính ngoài 28":
    - o Bề dày thành ống 25,4 mm;
    - o Vật liệu: Ống thép API 5L, X65, PSL2, NACE, ANSI class 1500#;
    - o Áp suất thiết kế 152,6 barg, nhiệt độ thiết kế 70°C / 0°C;
    - o Công suất thiết kế: 20,3 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày;
    - o Lớp bọc bê tông gia tải dày 35 mm, lớp bọc bảo vệ chống ăn mòn 3LPE dày 3,2 mm;
    - o Bảo vệ chống ăn mòn điện hóa bằng phương pháp anode hy sinh.
  - Đường ống bờ từ trạm tiếp bờ An Minh về đến GDC Ô Môn có chiều dài 95 km, đường kính ngoài 30":
    - o Bề dày thành ống 20,6 mm;
    - o Ống thép API 5L, X65, PSL2, ANSI class 600#;
    - o Áp suất thiết kế 98 barg, nhiệt độ thiết kế 66°C / 0°C;
    - o Công suất thiết kế: 18,3 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày;
    - o Lớp bọc bê tông gia tải dày 60 mm, lớp bọc bảo vệ chống ăn mòn 3LPE dày 3,2 mm;

- Bảo vệ chống ăn mòn điện hóa bằng phương pháp ICCP.
- Đoạn ống nhánh từ LBV#2 về GDS Kiên Giang có chiều dài 1,6 km, đường kính ngoài 18":
  - Bề dày thành ống 14,3 mm;
  - Ống thép API 5L, X65, PSL2, ANSI class 600#;
  - Áp suất thiết kế 98 barg, nhiệt độ thiết kế 66°C / 0°C;
  - Công suất thiết kế: 7,87 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày;
  - Lớp bọc bê tông gia tải dày 35 mm, lớp bọc bảo vệ chống ăn mòn 3LPE dày 3,2 mm;
  - Bảo vệ chống ăn mòn điện hóa bằng phương pháp ICCP.
- Trạm tiếp bờ (LFS) tại An Minh, Kiên Giang:
  - Công suất thiết kế 20,3 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày;
  - Áp suất thiết kế: 98 barg;
  - Nhiệt độ thiết kế: 66°C / -29°C;
  - Hệ thống thiết bị tách/lọc;
  - Hệ thống kiểm soát áp suất;
  - Hệ thống phóng/nhận thoi;
  - Các hệ thống phụ trợ.
- Trạm LFS tại Mũi Tràm, Cà Mau:
  - Công suất thiết kế 6,95 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày
  - Áp suất thiết kế: 98 barg;
  - Nhiệt độ thiết kế: 66°C / -29°C;
  - Hệ thống thiết bị tách/lọc;
  - Hệ thống kiểm soát áp suất;
  - Hệ thống nhận thoi;
  - Các hệ thống phụ trợ khác.
- Các trạm van ngắt tuyến trên đường ống từ trạm An Minh LFS đến trung tâm phân phối khí Ô Môn (06 trạm):
  - Kích thước van 30 inches;
  - Hệ thống xả khí;
  - Tại trạm van số 02 (LBV#2) lắp đặt đầu chờ (Tie-in) kết nối với đường ống dẫn khí về khu vực Kiên Giang.
- Trạm phân phối khí (GDS) tại Kiên Giang:
  - Công suất thiết kế: 8,66 triệu m<sup>3</sup> khí /ngày;
  - Áp suất thiết kế: 98 barg;
  - Nhiệt độ thiết kế: 66°C / -29°C;
  - Hệ thống thiết bị lọc;
  - Hệ thống thiết bị gia nhiệt;
  - Hệ thống đo lưu lượng;
  - Hệ thống kiểm soát áp suất;



- Các hệ thống phụ trợ khác.
  - Trung tâm phân phối khí (GDC) đặt tại Ô Môn:
    - Công suất thiết kế: 18,3 triệu m<sup>3</sup> khí /ngày;
    - Áp suất thiết kế 49/98 barg;
    - Nhiệt độ thiết kế: 66°C / -29°C;
    - Hệ thống thiết bị tách/lọc;
    - Hệ thống thiết bị gia nhiệt;
    - Hệ thống đo lưu lượng;
    - Hệ thống kiểm soát áp suất;
    - Hệ thống nhận thoi;
    - 02 đầu chờ cho kết nối tương lai;
    - Các hệ thống phụ trợ.
- 



TTG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 60/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam  
đến năm 2025, định hướng đến năm 2035**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ  
ĐẾN Giờ: ... S. ....  
Ngày: ... 17/1/17

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 với những nội dung chính như sau:

**1. Quan điểm phát triển**

Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam để thực hiện các mục tiêu về lĩnh vực công nghiệp khí trong Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam gắn liền với chiến lược và quy phát triển điện lực quốc gia nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nhiên liệu sạch, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, giảm phát thải khí nhà kính.

Phát triển đồng bộ, hiệu quả ngành công nghiệp khí thông qua việc phát huy các nguồn lực trong nước và đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

Phát triển ngành công nghiệp khí trên nguyên tắc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, hợp lý nguồn tài nguyên trong nước; triển khai nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) song song với việc thu gom các nguồn khí mới trong nước để bổ sung cho các nguồn khí đang suy giảm, duy trì khả năng cung cấp khí cho các hộ tiêu thụ.

Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thu gom, vận chuyển, xử lý khí trên nguyên tắc sử dụng tối đa công suất hệ thống hạ tầng hiện hữu, từng bước xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng hệ thống kho chứa, nhập khẩu, phân phối LNG.

Đẩy mạnh đầu tư chế biến sâu khí thiên nhiên, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao giá trị sử dụng của khí và hiệu quả của sản phẩm khí trong nền kinh tế.

Xây dựng hệ thống cơ chế chính sách để từng bước chuyển đổi mô hình quản lý ngành công nghiệp khí Việt Nam, cơ chế kinh doanh khí theo hướng thị trường khí tự do, hội nhập với thị trường khí trong khu vực, thế giới. Phát triển thị trường tiêu thụ khí theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, khuyến khích các nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào chuỗi giá trị khí từ khâu thượng nguồn, trung nguồn đến hạ nguồn góp phần đảm bảo an ninh năng lượng dài hạn cho đất nước và thực hiện chính sách phát triển bền vững.

## 2. Mục tiêu phát triển

Phát triển lĩnh vực công nghiệp khí hoàn chỉnh, đồng bộ tất cả các khâu, từ: Khai thác - thu gom - vận chuyển - chế biến - dự trữ - phân phối khí và xuất nhập khẩu sản phẩm khí trên toàn quốc; đảm bảo thu gom 100% sản lượng khí của các lô/mỏ mà PVN và các nhà thầu dầu khí khai thác tại Việt Nam. Phân đầu sản lượng khai thác khí cả nước giai đoạn 2016 - 2035 như sau:

- Giai đoạn 2016 - 2020: Sản lượng khai thác khí đạt 10 - 11 tỷ m<sup>3</sup>/năm.
- Giai đoạn 2021 - 2025: Sản lượng khai thác khí đạt 13 - 19 tỷ m<sup>3</sup>/năm.
- Giai đoạn 2026 - 2035: Sản lượng khai thác khí đạt 17 - 21 tỷ m<sup>3</sup>/năm.

Về nhập khẩu, phân phối LNG: Nghiên cứu, tìm kiếm thị trường và đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kho cảng để sẵn sàng tiếp nhận, nhập khẩu LNG với mục tiêu cho từng giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 2021 - 2025 đạt 1 - 4 tỷ m<sup>3</sup>/năm.
- Giai đoạn 2026 - 2035 đạt 6 - 10 tỷ m<sup>3</sup>/năm.

Về phát triển thị trường tiêu thụ khí:

- Tiếp tục phát triển thị trường điện là thị trường trọng tâm tiêu thụ khí (bao gồm LNG nhập khẩu) với tỷ trọng khoảng 70 - 80% tổng sản lượng khí, đáp ứng nguồn nhiên liệu khí đầu vào để sản xuất điện.

- Phát triển lĩnh vực hóa dầu từ khí, tăng cường đầu tư chế biến sâu khí thiên nhiên để nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm khí, tạo ra các nguyên, nhiên, vật liệu để phục vụ phát triển sản xuất công nghiệp trong nước, hướng tới xuất khẩu, giảm tỷ trọng nhập siêu.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng hệ thống phân phối khí cho các hộ tiêu thụ công nghiệp, giao thông vận tải, sinh hoạt đô thị nhằm mục đích bảo vệ môi trường và nâng cao giá trị sử dụng của khí. Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối khí thấp áp và hệ thống phân phối khí nén thiên nhiên (CNG) làm tiền đề để phát triển hệ thống phân phối khí cung cấp cho giao thông vận tải.

- Phân đầu phát triển thị trường khí với quy mô:

+ Giai đoạn 2016 - 2020 đạt 11-15 tỷ m<sup>3</sup>/năm.

+ Giai đoạn 2021 - 2025 đạt 13 - 27 tỷ m<sup>3</sup>/năm.

+ Giai đoạn 2026 - 2035 đạt 23 - 31 tỷ m<sup>3</sup>/năm.

Về cơ sở hạ tầng tồn trữ, kinh doanh, phân phối khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG):

- Mở rộng công suất các kho LPG hiện hữu kết hợp với xây dựng các kho LPG mới để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước với quy mô khoảng 3,5 - 4,0 triệu tấn/năm vào năm 2025 và đạt quy mô khoảng 4,5 - 5,0 triệu tấn/năm vào năm 2035, đảm bảo đáp ứng yêu cầu dự trữ tối thiểu đạt trên 15 ngày cung cấp.

- Phân đầu đáp ứng 70% thị phần LPG toàn quốc.

### 3. Định hướng phát triển

#### a) Khu vực Bắc Bộ

Nghiên cứu các giải pháp, đẩy mạnh việc thu gom khí từ các mỏ nhỏ, nằm phân tán trong khu vực nhằm tăng cường khả năng cung cấp khí cho các hộ tiêu thụ công nghiệp khu vực Bắc Bộ, từng bước nghiên cứu, triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng nhập khẩu LNG để duy trì khả năng cung cấp khí cho các hộ tiêu thụ công nghiệp khi nguồn khí khu vực Bắc Bộ suy giảm, phát triển các nhà máy điện sử dụng LNG theo Quy hoạch điện lực quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

#### b) Khu vực Trung Bộ

- Tích cực đẩy mạnh phát triển và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thu gom, vận chuyển, xử lý khí từ mỏ khí Cá Voi Xanh để cung cấp cho các nhà máy điện sử dụng khí thuộc khu vực Trung Bộ theo Quy hoạch điện lực quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Phát triển công nghiệp hóa dầu sử dụng khí từ mỏ khí Cá Voi Xanh sau khi đã đáp ứng đủ nhu cầu khí cho các nhà máy điện. Phát triển hệ thống phân phối khí thấp áp, sản xuất CNG/LNG quy mô nhỏ cấp cho các hộ tiêu thụ công nghiệp trong khu vực.

- Từng bước nghiên cứu, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng nhập khẩu, phân phối LNG khi nguồn khí trong khu vực suy giảm và trong trường hợp xuất hiện thêm các hộ tiêu thụ mới.

c) Khu vực Đông Nam Bộ

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thu gom, vận chuyển các mỏ khí tiềm năng nhằm duy trì nguồn khí cung cấp cho các hộ tiêu thụ hiện hữu, đẩy mạnh công tác tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ để đảm bảo duy trì đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí trong khu vực.

- Triển khai xây dựng hệ thống kho, cảng nhập khẩu LNG để bổ sung cho nguồn khí trong nước suy giảm và cung cấp cho các nhà máy điện theo Quy hoạch điện lực quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

d) Khu vực Tây Nam Bộ

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thu gom, vận chuyển khí từ Lô B & 48/95, 52/97 và các mỏ nhỏ khu vực Tây Nam (Khánh Mỹ, Đầm Dơi, Nam Du, U Minh,...) để cung cấp cho các Trung tâm điện lực mới theo Quy hoạch điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; bổ sung cho các hộ tiêu thụ hiện hữu khu vực Tây Nam Bộ.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng nhập khẩu LNG để duy trì khả năng cung cấp cho các hộ tiêu thụ, phát triển các nhà máy điện sử dụng LNG mới.

4. Danh mục các dự án đầu tư chính của ngành công nghiệp khí

a) Các dự án hạ tầng công nghiệp khí chính

- Khu vực Bắc Bộ:

+ Giai đoạn 2016 - 2025:

TT	Tên đường ống	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
<b>I</b>	<b>Hệ thống đường ống chính ngoài khơi</b>				
1	Đường ống thu gom khí Hàm Rồng về Thái Bình (giai đoạn 2)	2018 - 2020	0,5	53	12

TT	Tên đường ống	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
<b>II</b>	<b>Hệ thống đường ống thấp áp và trạm CNG</b>				
1	Hệ thống đường ống phân phối khí thấp áp cho khu vực Tiền Hải (giai đoạn 2)	2018 - 2020	0,25	30	6 - 10
2	Hệ thống phân phối khí CNG tại Tiền Hải (giai đoạn 2)	2018 - 2025	0,35		

+ Giai đoạn 2026 - 2035:

TT	Tên đường ống	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
<b>I</b>	<b>Hệ thống đường ống chính ngoài khơi</b>				
1	Đường ống thu gom khí các mỏ tiềm năng khác thuộc Lô 102/106 & 103/107 về bờ tại Tiền Hải	2030 - 2035	2	80 - 100	10 - 16
<b>II</b>	<b>Các đường ống thu gom khí</b>				
1	Đường ống thu gom khí các mỏ tiềm năng Hồng Long, Hắc Long, Bạch Long, Địa Long,... thuộc các Lô 102/106&103/107	2030 - 2035	0,2 - 0,5	70 - 80	8 - 10
2	Đường ống thu gom các mỏ tiềm năng của các Lô 102/106 & 103/107 kết nối với Đường ống thu gom khí Hàm Rồng, Thái Bình	2032 - 2035	0,2 - 0,5	40 - 50	8 - 10



TT	Tên đường ống	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
<b>III</b>	<b>Hệ thống đường ống cao áp trên bờ</b>				
1	Hệ thống đường ống cao áp vận chuyển khí các mỏ tiềm năng của các Lô/mỏ của khu vực bể Sông Hồng từ LFS Tiền Hải đến khu vực Thái Bình	2032	1,5 - 2	6	16
2	Hệ thống đường ống từ kho chứa LNG miền Bắc đến các nhà máy điện miền Bắc	2025 - 2030	2	15 - 20	20
<b>IV</b>	<b>Hệ thống đường ống phân phối khí thấp áp &amp; sản xuất CNG</b>				
1	Hệ thống đường ống phân phối khí thấp áp cho khu vực Tiền Hải (giai đoạn 3)	2026 - 2035	0,25	30 - 50	6 - 10
2	Hệ thống sản xuất CNG tại Tiền Hải (giai đoạn 3)	2026 - 2035	0,25		

- Khu vực miền Trung:

+ Giai đoạn 2016 - 2025:

TT	Công trình	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
<b>I</b>	<b>Hệ thống đường ống cao áp chính ngoài khơi</b>				
1	Đường ống dẫn khí từ mỏ Cá Voi Xanh về Quảng Nam	2023 - 2025	9 - 11	80 - 100	32 - 36

TT	Công trình	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
2	Hệ thống đường ống dẫn khí mỏ Báo Vàng về Quảng Trị	2023 - 2025	2 - 3	120	16
<b>II</b>	<b>Hệ thống đường ống trên bờ</b>				
1	Đường ống cao áp từ GTP tại Tam Quang đến nhà máy điện Quảng Nam, Quảng Ngãi và tổ hợp hóa dầu tại Khu Kinh tế Dung Quất	2023 - 2025	8	25	26
2	Hệ thống đường ống từ trung tâm phân phối khí (GDC) tại Tam Quang đến các khu công nghiệp (KCN) tại Quảng Nam	2023 - 2025	0,6 - 0,9	10 - 15	8 - 10
3	Hệ thống đường từ trạm phân phối khí (GDS) tại Dung Quất đến KCN Dung Quất	2023 - 2025	0,7	10 - 15	8 - 10
<b>III</b>	<b>Hệ thống đường ống phân phối thấp áp</b>				
1	Hệ thống đường ống phân phối khí thấp áp	2023 - 2025	0,3		
<b>IV</b>	<b>Nhà máy xử lý khí</b>				
1	Nhà máy xử lý khí (GTP) tại Quảng Nam	2023 - 2025	9 - 11		
<b>V</b>	<b>Nhà máy/Trạm CNG, hóa dầu</b>				
1	Nhà máy CNG/LNG tại Miền Trung	2023 - 2025	0,20 - 0,25		

+ Giai đoạn 2026 - 2035:

TT	Công trình	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
<b>I</b>	<b>Các đường ống thu gom khí</b>				
1	Hệ thống đường ống thu gom các mỏ từ Lô 105-110 và Lô 111-113 kết nối với đường ống Báo Vàng - Quảng Trị	Sau 2033	-	60 - 80	10 - 16
2	Hệ thống đường ống thu gom các mỏ tiềm năng từ Lô 115-119 kết nối với đường ống mỏ khí Cá Voi Xanh	Sau 2033	-	150 - 200	12 - 20
<b>II</b>	<b>Hệ thống đường ống cao áp trên bờ</b>				
1	Đường ống cao áp từ GDC tại Quảng Trị tới các Nhà máy điện Quảng Trị	2033	1,5	10	16
<b>III</b>	<b>Nhà máy xử lý khí</b>				
1	Nhà máy xử lý khí (GPP) tại Quảng Trị	2033	2 - 3		

- Khu vực Đông Nam Bộ:

+ Giai đoạn 2016 - 2025:

TT	Tên đường ống	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
<b>I</b>	<b>Hệ thống đường ống cao áp chính ngoài khơi</b>				
1	Hệ thống đường ống Nam Côn Sơn 2 – giai đoạn 2 từ KP 207 – LFS	2019	7	117	26

TT	Tên đường ống	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
2	Hệ thống đường ống Nam Côn Sơn 2 – giai đoạn 2 từ giàn Hải Thạch/Mộc Tinh về Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1	2019 - 2025	7	50 - 60	26
<b>II</b>	<b>Các đường ống thu gom khí</b>				
1	Đường ống dẫn khí thu gom khí mỏ Sư Tử Trắng về Nam Côn Sơn 2	2019 - 2020	2 - 4	75 - 125	16 - 20
2	Hệ thống thu gom khí từ mỏ Kinh Ngư – Rạng Đông	2017	0,35	18	12
3	Nâng công suất nén tại Bạch Hồ	2018 - 2019	0,6 - 1,2	-	-
4	Đường ống thu gom khí mỏ Cá Rồng Đỏ - Nam Côn Sơn 1	2018 - 2019	2,4	83 - 157	16
5	Đường ống thu gom khí mỏ Cobia kết nối vào đường ống Cá Rồng Đỏ - Lan Tây	2020 - 2025	1	5	16
6	Đường ống thu gom khí mỏ Cá Kiếm Đen kết nối vào đường ống Cá Rồng Đỏ - Lan Tây	2020 - 2025	1	10 - 15	12 - 14
7	Đường ống thu gom khí mỏ Cá Kiếm Nâu kết nối vào đường ống Cá Rồng Đỏ - Lan Tây	2020 - 2025	1,5	30 - 35	12 - 16
8	Đường ống thu gom khí mỏ Phong Lan Đại - Lan Tây	2020 - 2025	1,5	20 - 25	12 - 16
9	Hệ thống thu gom khí từ mỏ Song Ngư - Kinh Ngư Trắng	2021	-	17	12

TT	Tên đường ống	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
10	Hệ thống thu gom khí từ Lead A - Kinh Ngự Tráng	2025	-	29	12
11	Đường ống kết nối từ giàn nén trung tâm tại Bạch Hồ - Nam Côn Sơn 2	2019	7	14	26
12	Đường ống dẫn khí từ Sao Vàng/Đại Nguyệt đến Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1	2019 - 2021	2 - 3	25 - 50	16 - 26
13	Đường ống dẫn khí Sao Vàng/Đại Nguyệt đến Nam Côn Sơn 1 (KP75)	2021 - 2025	2 - 3	35	20 - 26
14	Đường ống kết nối từ Giàn BK - Thiên Ưng về Sao Vàng/Đại Nguyệt	2019 - 2021	1 - 2	25	16
<b>III</b>	<b>Hệ thống đường ống cao áp trên bờ, trạm phân phối khí</b>				
1	Đường ống dẫn khí từ LFS Long Hải tới GPP2	2019	7	9	26
2	Đường ống dẫn khí từ GPP2 đến GDC Phú Mỹ	2019	7	30	30
3	Đường ống vận chuyển ethane từ Nhà máy tách ethane tới Tổ hợp Lọc hóa dầu Long Sơn	2019	300.000 tấn	23	8
4	Đường ống vận chuyển LPG từ GPP2 đến Thị Vải	2019		24	8
5	Đường ống vận chuyển Condensate từ GPP2 đến Thị Vải	2019		24	6
6	Nâng cấp/cải hoán kho cảng Thị Vải	2019			

TT	Tên đường ống	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
7	Nâng cấp/cải hoán GDC Phú Mỹ	2019			
8	Cải hoán trạm GDS Nhơn Trạch, Hiệp Phước	2019			
<b>IV</b>	<b>Hệ thống đường ống thấp áp/CNG/LNG</b>				
1	Hệ thống đường ống khí thấp áp cung cấp cho các hộ tiêu thụ công nghiệp Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 3 – Cái Mép	2019	0,1 - 0,5	30	6 - 10
2	Hệ thống cấp khí cho KCN Hiệp Phước giai đoạn 2 – Long Hậu	2017	0,3	20	6 - 8
3	Hệ thống cấp khí cho KCN Nhơn Trạch giai đoạn 2 – Ông Kèo	2017	0,3	-	-
4	Hệ thống cấp khí cho hộ tiêu thụ tại các KCN huyện Long Thành	2019	0,2	-	-
5	Hệ thống cấp khí cho các khu đô thị Nhơn Đức - Phước Kiển - Phú Mỹ Hưng - Thủ Thiêm (TP HCM)	2020	0,3	-	-
6	Hệ thống cung cấp khí cho sân bay Long Thành (CNG/LNG)	2020 - 2025	0,2	-	-
7	Hệ thống cấp khí cho các khu đô thị Tân Thành	2020	0,1	-	-
<b>V</b>	<b>Nhà máy xử lý khí</b>				
1	Nhà máy xử lý khí tại Dinh Cỏ (GPP2) tích hợp cụm tách ethane	2019	7	-	-
2	Nhà máy tách Ethane tại Dinh Cỏ (tích hợp trong GPP2)	2019	2	-	-

TT	Tên đường ống	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
3	Dự án nhà máy LNG và hệ thống cấp khí cho phương tiện giao thông vận tải	2018	0,17 - 0,33	-	-

+ Giai đoạn 2026 - 2035:

TT	Tên đường ống	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
<b>I</b>	<b>Hệ thống đường ống cao áp chính ngoài khơi</b>				
1	Hệ thống đường ống từ bể Phú Khánh về tỉnh Bình Thuận/Bà Rịa - Vũng Tàu	2030 - 2035	3	250	20
2	Hệ thống đường ống từ bể Tư Chính - Vũng Mây về Nam Côn Sơn 1/Nam Côn Sơn 2	2030 - 2035	2	150	18
<b>II</b>	<b>Các đường ống thu gom khí</b>				
1	Đường ống thu gom khí Hà Mã Xám - Rồng/Đồi Mồi	2026 - 2035	0,3	18	12
2	Đường ống thu gom khí Dơi Nâu - Hà Mã Xám	2026 - 2035	0,15	25	10
3	Đường ống thu gom khí mỏ Rồng Vĩ Đại (Lô 11-2) - Rồng Đồi	2026 - 2035	0,26	15	12
4	Đường ống thu gom khí mỏ 12C (Lô 12E) - Rồng Đồi	2026 - 2035	0,47	20	16



TT	Tên đường ống	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
5	Đường ống thu gom khí mỏ Thiên Nga (Lô 12W) - Chim Sáo/Dừa	2026 - 2035	0,26	10	10
6	Đường ống thu gom khí mỏ cụm mỏ thuộc Lô 06.1, 05-2 & 05-3, 11-2 về Nam Côn Sơn 1	2026 - 2035	1,8	60	16
7	Đường ống thu gom các mỏ Thân Nông, Lô 04-1, 04-2, 04-3, 05-1 về hệ thống đường ống Nam Côn Sơn 2	2026 - 2035	1,4	50	16

- Khu vực Tây Nam Bộ:

TT	Công trình	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
<b>I</b>	<b>Hệ thống đường ống cao áp chính ngoài khơi</b>				
1	Hệ thống đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn	2021 - 2022	6,4	292	28
2	Đường ống (từ KP209 của đường ống Lô B) cấp bù khí PM3 – Cà Mau	2020	2,4	37	18
<b>II</b>	<b>Hệ thống đường ống thu gom khí</b>				
1	Đường ống dẫn khí từ Khánh Mỹ tới BOD WHP/BOA CPP	2020	2,2	20	20
2	Đường ống từ mỏ Đầm Dơi tới Khánh Mỹ	2020	0,65	7,5	12
3	Đường ống thu gom từ mỏ Hoa Mai tới Đầm Dơi	2020	0,4	14	8

TT	Công trình	Thời điểm bắt đầu vận hành	Công suất dự kiến (tỷ m <sup>3</sup> /năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
4	Đường ống từ mỏ U Minh/Minh Hải tới Khánh Mỹ	2022	1,1	23	16
5	Đường ống từ mỏ Nam Du tới U Minh/Minh Hải	2024	0,5	27	12
<b>III</b>	<b>Hệ thống đường ống cao áp trên bờ</b>				
1	Đường ống dẫn khí Lô B từ điểm tiếp bờ đến Trạm tiếp bờ (LFS) & GDS Kiên Giang	2021	6,4	30	28
2	Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn từ Kiên Giang đến Ô Môn	2021	6,4	72	22
3	Hệ thống cấp khí thấp áp tại Cà Mau	Sau 2021	0,1 - 0,2	15 - 25	6 - 10
4	Hệ thống cấp khí thấp áp tại Cần Thơ	Sau 2025	0,1 - 0,3	20 - 30	6 - 10
5	Hệ thống cấp khí thấp áp tại Kiên Giang	Sau 2025	0,1 - 0,3	30 - 50	8 - 12
<b>IV</b>	<b>Nhà máy xử lý khí</b>				
1	Nhà máy xử lý khí tại Cà Mau	2017	2,2		
2	Nhà máy xử lý khí tại Kiên Giang	2021 - 2025	6,4		

b) Các dự án nhập khẩu LNG

- Giai đoạn 2016 - 2025:

TT	Công trình	Thời điểm vận hành	Công suất (triệu tấn/năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
<b>I</b>	<b>Kho cảng nhập LNG</b>				
1	Kho LNG Thị Vải	2020 - 2022	1 - 3		

TT	Công trình	Thời điểm vận hành	Công suất (triệu tấn/năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
2	Kho LNG Tây Nam Bộ (Cà Mau) - giai đoạn 1	2022 - 2025	1		
3	Kho LNG Sơn Mỹ (Bình Thuận) - giai đoạn 1	2023 - 2025	1 - 3		
4	Kho LNG Đông Nam Bộ (dự kiến tại Tiền Giang)	2022 - 2025	4 - 6		
<b>II</b>	<b>Các đường ống tái hóa khí</b>				
1	Đường ống từ kho tái hóa khí LNG Thị Vải - GDC hiện hữu	2020 - 2022	4,5 tỷ m <sup>3</sup> /năm	12	18
2	Đường ống từ kho LNG Tây Nam Bộ – Cà Mau	2022 - 2025	5 tỷ m <sup>3</sup> /năm	85	20 - 28
3	Đường ống từ kho LNG Sơn Mỹ đến Trung tâm điện lực Sơn Mỹ	2023 - 2025	5 - 11 tỷ m <sup>3</sup> /năm	10	38 - 45

- Giai đoạn 2026 - 2035:

TT	Công trình	Thời điểm vận hành	Công suất (triệu tấn/năm)	Chiều dài (km)	Đường kính (inch)
1	Kho LNG Tây Nam Bộ - Giai đoạn 2	Sau 2025	2		
2	Kho LNG nổi (FSRU) Thái Bình	2026 - 2030	0,2 - 0,5		
3	Kho LNG Sơn Mỹ (Bình Thuận) - giai đoạn 2	2027 - 2030	3		
4	Kho LNG Sơn Mỹ (Bình Thuận) - giai đoạn 3	2031 - 2035	3		